TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 91/2022/QĐST- HNGĐ	*Hải Dương, ngày 18 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v Yêu cầu C nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Minh Tân.

Thư ký phiên họp: Bà Vũ Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm C khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 248/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2022 về việc "*Yêu cầu C nhận thuận tình ly hôn*", theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 304/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04/11/2022 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị **N,** sinh năm 1992.

HKTT: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ nơi cư trú hiện nay: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Anh **C,** sinh ngày 19/3/1991.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương. Hiện sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc.

Người được anh C ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án: Chị **N,** sinh năm 1992. Địa chỉ nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương (theo giấy ủy quyền ngày 11/8/2022).

(Chị N và anh C vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình của chị N, anh C và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh C được tự do tìm hiểu, đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương ngày 29/8/2014. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại gia đình anh C tại thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương được 01 tháng thì anh C tiếp tục đi lao động tại nước ngoài. Thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc, chia sẻ qua mạng xã hội. Đến năm 2017 anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa vợ chồng không có sự tin tưởng nhau, mặc dù chị N đã tìm nhiều biện pháp để khắc phục nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị N đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2018 đến nay. Nay chị N và anh C cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất đề nghị Tòa án C nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung; tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh C đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Chị N tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp chị N, anh C vắng mặt và đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đồng thời giữ nguyên yêu cầu C nhận thuận tình ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng giải quyết việc dân sự và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết việc dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu C nhận thuận tình ly hôn của chị N và anh C. Về lệ phí: Chị N tự nguyện của chịu cả 300.000đ lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, quan điểm của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị N và anh C có đơn đề nghị Tòa án C nhận thuận tình ly hôn. Anh C có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương, hiện đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết, chị N và anh C đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Anh C đã gửi đơn xin ly hôn; bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt; giấy ủy quyền đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Các tài liệu này đều có xác nhận tại Đại sức quán Việt Nam tại Hàn Quốc. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định đúng ý chí, nguyện vọng của anh C. Căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 29/8/2014, là hôn nhân hợp pháp. Đến năm 2017 anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa vợ chồng không có đồng cảm, chia sẻ và tin tưởng nhau. Bản thân anh chị đã tìm biện pháp nhằm giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành nên cuộc sống vợ chồng ngày một căng thẳng, không có hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu C nhận thuận tình ly hôn của chị N và anh C là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh C đều xác định không có, không đề nghị giải quyết. Do vậy, Tòa án không xem xét giải quyết.

[3]. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị N chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 39 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 149, Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Điều 39 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: C nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **N** và anh **C**.

2. Về lệ phí: Chị N tự nguyện chịu cả 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2021/0001620 ngày 07/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);*
- *Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN*

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân